

CÔNG TY TNHH LH QUANG HUY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LH QUANG HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LH QUANG HUY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301229083

3. Ngày thành lập: 22/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Tiên Thôn, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0948573501

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8.	Bán mô tô, xe máy	4541
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

23.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
24.	Trồng cây lâu năm khác	0129
25.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
26.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
27.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
28.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
29.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
30.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
32.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
40.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
41.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
43.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420(Chính)
45.	Đúc sắt, thép	2431
46.	Đúc kim loại màu	2432
47.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
48.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
49.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
51.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
52.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
53.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
54.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
55.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
56.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
65.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
66.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
67.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
68.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
69.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
70.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
71.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
72.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
73.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
74.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
75.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
76.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
77.	Thu gom rác thải độc hại	3812
78.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
79.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
80.	Tái chế phế liệu	3830
81.	Xây dựng nhà để ở	4101
82.	Xây dựng nhà không để ở	4102
83.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
84.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
85.	Xây dựng công trình điện	4221
86.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
87.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
88.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
89.	Xây dựng công trình thủy	4291
90.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
91.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
92.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
93.	Phá dỡ	4311
94.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

